Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Môn Học/Nhóm Thực tập nhà máy thức ăn (203613) - 01 Số Tín Chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Đ.Số	Điểm Chữ	Ghi Chú
1	10161115	HÀ HUY	THÂN	15/01/92	DH10TA	8	Tám	
2	10161116	NGUYỄN VĂN	THIÊN	12/09/92	DH10TA	9	chín	
3	10161166	TÔ NGUYỄN KIM	THOA	05/04/87	DH10TA	9	chín	
4	10161119	NGUYỄN THỊ TUYẾT	THÔNG	03/11/91	DH10TA	9	chín	
5	10161124	NÔNG NGUYÊN	THỨC	18/06/92	DH10TA	8	Tám	
6	10161127	ĐẶNG THẾ	TIẾN	26/01/92	DH10TA	8	Tám	
7	10161128	NGUYỄN QUANG	TIẾN	20/10/92	DH10TA	10	Mười	
8	10161136	NGUYỄN THỊ	TRIỀU	23/08/92	DH10TA	9	chín	
9	10161145	ÔNG THANH	TÚ	03/01/92	DH10TA	9	chín	
10	10161146	VÕ THỊ CẨM	TÚ	10/01/92	DH10TA	9	chín	
11	10161141	LÊ MINH	TUẤN	01/04/92	DH10TA	9	chín	
12	10161153	HỒ QUANG	VŨ	20/02/92	DH10TA	9	chín	

In Ngày 17/07/2013

Ngày 30 Tháng 8 Năm 2013

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 17/07/2013

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2013

TS. Lê Quang Thông

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1240

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học/Nhóm Thực tập nhà máy thức ăn (203613) - 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Dương Duy Đồng (138)
Ngày Thi / / Phòng Thi

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Đ.Số	Điểm Chữ	Ghi Chú
1	10161004	ĐẶNG NGỌC	BAN	10/01/92	DH10TA	9	chín	
2	10161006	VƯƠNG THỊ KIM	CÚC	07/07/92	DH10TA	10	Mười	
3	10161007	LÊ MẠNH	CƯƠNG	30/09/92	DH10TA	10	Mười	
4	10161015	ĐỖ THÀNH	ĐẠT	28/03/92	DH10TA	10	Mười	
5	10161017	PHẠM THÀNH	ĐẠT	28/09/92	DH10TA	10	Mười.	
6	10161018	PHẠM VĂN	ĐẠT	20/12/91	DH10TA	8	Tám	
7	10161019	BÙI HẢI	ĐĂNG	03/04/92	DH10TA	9	chín	
8	10161020	LÂM MINH	ĐĂNG	03/05/91	DH10TA	9	chín	
9	10161022	TRẦN MINH	ĐỨC	25/01/92	DH10TA	9	chín	
10	10161028	NGUYỄN THANH	HẢI	06/06/91	DH10TA	9	chín	
11	10161024	THÁI VĂN	HÀO	28/11/92	DH10TA	10	Mười	
12	10161161	LÊ ANH	HIẾU	10/01/90	DH10TA	10	Mười	
13	10161002	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	30/01/92	DH10TA	9	chín	
14	10161038	VÕ THỊ TUYẾT	HOA	13/09/92	DH10TA	9	chín	
15	10161039	NGUYỄN NGỌC	HÒA	24/04/92	DH10TA	9	chín	
16	10161042	TRẦN QUỐC	HOÀNG	11/02/91	DH10TA	9	chín	
17	10161048	HOÀNG VĂN	HUY	08/05/90	DH10TA			
18	10161050	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	18/10/92	DH10TA			
19	10161052	ĐỖ QUANG	HƯNG	11/11/91	DH10TA			
20	10161053	NGUYỄN THỊ MỸ	HƯNG	22/10/92	DH10TA	10	Mười	
21	10161054	TRẦN DUY	HƯNG	11/03/92	DH10TA	9	chín	
22	10161056	PHẠM QUANG	KHANH	04/10/92	DH10TA	9	chín	
23	10161062	TRẦN THỊ	LÀNH	12/10/92	DH10TA	10	Mười	
24	10161063	TRƯƠNG MINH	LÂM	30/09/92	DH10TA	9	chín	
25	10161066	NGUYỄN THỊ	LOAN	10/04/92	DH10TA			
26	10161079	NGUYỄN HOÀNG	NHU	01/01/92	DH10TA	8	Tám	
27	10161080	PHAN THỊ TUYẾT	NHUNG	04/07/92	DH10TA	10	Mười	
28	10161083	NGUYỄN NGỌC CHÂU	PHI	02/07/92	DH10TA	9	chín	
29	10161084	THÁI HUY	PHONG	27/09/92	DH10TA	8	Tám	
30	10161089	PHAN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	30/12/92	DH10TA	9	chín	
31	10161096	ĐOÀN HOÀN	SƠN	09/05/92	DH10TA	10	Mười	
32	10161098	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	06/04/90	DH10TA	9	chín	
33	10161102	NGÔ ĐẮC	TÀI	30/12/91	DH10TA	9	chín	
34	10161103	NGUYỄN THANH	TÂM	04/10/92	DH10TA	10	Mười	
35	10161104	NGUYỄN THỊ NGỌC	TÂM	26/01/92	DH10TA	10	Mười	
36	10161106	TRẦN THỊ MỸ	TÂM	26/03/92	DH10TA	10	Mười	
37	10161108	NGUYỄN THỊ	THA	10/02/92	DH10TA	9	chín	
38	10161114	NGUYỄN HOÀNG	THÁI	15/05/92	DH10TA	9	chín	
39	10161112	BÙI THỊ THU	THẢO	22/11/92	DH10TA	10	Mười	
40	10161165	TRÀ VĂN THỊ	THẮM	22/02/91	DH10TA	9	chín	